

# NHỮNG TRIẾT LÝ LÀM NÊN SỰ THÀNH CÔNG CỦA HỆ THỐNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở ĐỨC

THE PHILOSOPHY MAKING THE SUCCESS OF EDUCATION SYSTEM IN GERMANY

NGUYỄN TRUNG THÀNH<sup>(\*)</sup>

**TÓM TẮT:** Cộng hòa Liên bang Đức là quốc gia có nền giáo dục đại học tiên tiến, phát triển toàn diện. Đây là kết quả của một quá trình lịch sử lâu dài, trong đó, toàn bộ hệ thống giáo dục đại học được xây dựng và tổ chức theo những triết lý cơ bản, nhất quán, mang chiều sâu tư tưởng và được kiểm chứng theo thời gian. Những kinh nghiệm đó hoàn toàn có thể được nghiên cứu tham khảo, và ứng dụng vào thực tiễn của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

**Từ khóa:** quyền tự do học tập; tự do giảng dạy; tự do nghiên cứu, tự chủ nội bộ.

**ABSTRACT:** The Federal Republic of Germany is a country with advanced and comprehensive higher education. This is the result of a long history, in which the whole higher education system is built and organized according to the basic, consistent, deep ideological and verified philosophies of higher education. Those experiences can be completely referenced and applied in practice of Vietnam's higher education system.

**Keywords:** the right to freedom of study; freedom of teaching; freedom of research; internal autonomy.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nói đến hệ thống đại học của Cộng hòa Liên bang Đức, chúng ta hình dung về một nền giáo dục tiên tiến, phát triển cao vào bậc nhất thế giới và có đóng góp to lớn cho việc đào tạo ra nhiều người tài trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Thực vậy, từ năm 1901 cho đến nay (năm 2018), nước Đức đã công hiến cho nhân loại 84 danh nhân giành giải thưởng Nobel danh giá trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế (1 người), hòa bình (4 người), văn chương (8 người), y học (17 người), vật lý (25 người) và hóa học (29 người) [5]. Theo bảng xếp hạng của tờ Times Higher Education - tạp chí

của Liên hiệp Anh rất có ảnh hưởng và uy tín trong lĩnh vực tổ chức phân loại và xếp hạng các trường đại học toàn cầu, nước Đức luôn sở hữu những trường đại học nằm trong Top 50, Top 100 trường tốt nhất trên thế giới. Mới đây nhất, ngay trong năm 2018, nước Đức đứng thứ ba trên thế giới về số lượng các trường đại học đỉnh cao, với 10 trường đại học trong Top 100 trường xuất sắc nhất thế giới (sau Hoa Kỳ với 43 trường và Vương quốc Anh với 12 trường) [6]. Những thành tích rực rỡ kể trên là kết quả tất yếu, gắn kết chặt chẽ với một quá trình lịch sử lâu dài. Khi tìm hiểu và phân tích các giai đoạn phát triển của hệ thống

<sup>(\*)</sup> ThS Trường Đại học Văn Lang, nguyentrongthanh@vanlanguni.edu.vn, Mã số: TCKH17-07-2019

đại học Đức, người ta thấy rằng, hệ thống này được kiến tạo trên nền tảng của một số nguyên lý cơ bản, đóng vai trò là kim chỉ nam cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và học tập tại các trường đại học cũng như cho công tác ban hành và thực thi các chính sách của cơ quan quản lý giáo dục các cấp.

## 2. NỘI DUNG

*Nguyên lý tổ chức của hệ thống giáo dục đại học Đức:* Các trường đại học của Đức hình thành từ thời Trung cổ, khi mà chế độ phong kiến thần quyền vẫn còn đang ngự trị tại châu Âu. Vào thời điểm đó, một nước Đức như chúng ta biết ngày nay chưa hề xuất hiện. Từ thế kỷ X cho đến đầu thế kỷ XIX, trên vùng lãnh thổ ngày nay là Đức, Áo và một phần Đông Âu (nay thuộc Ba Lan, Séc, và các nước Baltic) tồn tại nhiều vương quốc và lãnh địa khác nhau, tuy người dân ở đây có cùng văn hóa và tiếng Đức là ngôn ngữ chung. Các lãnh địa này tồn tại gắn kết với nhau dưới hình thức một liên minh phong kiến với tên gọi là Đế quốc La Mã thần thánh Dân tộc Đức (còn có tên gọi là Thánh chế La Mã). Vua/lãnh chúa của các lãnh địa lớn và có thế lực sẽ bầu chọn ra một vị vua/lãnh chúa mạnh nhất làm người trị vì đế chế. Từ năm 1438, ngôi vị hoàng đế cai trị đế chế luôn nằm trong tay gia tộc Habsburg ở thành Vienna, nước Áo. Đến năm 1806, sau thất bại quân sự trước Hoàng đế Pháp Napoléon I, Hoàng đế của Đế quốc La Mã thần thánh là Franz II buộc phải thoái vị. Đế quốc La Mã thần thánh chính thức diệt vong. Các vương quốc trong liên minh đế quốc trước đây trở thành những vương quốc độc lập. Cho đến trước năm 1871, trên vùng lãnh thổ mà nay là nước Đức vẫn tồn tại hơn hai trăm tiểu

quốc và lãnh địa phong kiến được cai trị bởi những vị vua hay những lãnh chúa khác nhau [4, tr.520-524]. Trường Đại học đầu tiên của Đức là Trường Đại học Tổng hợp Ruprecht Heidelberg (1386) theo mệnh lệnh của Tuyền hầu Karl Ruprecht I trên lãnh thổ công quốc Pfalz do ông cai trị – nay thuộc bang Baden Württemberg.

Hệ thống tổ chức của các trường đại học tại Đức nói riêng và trên toàn châu Âu nói chung trong giai đoạn này đã đặt ra hai nguyên tắc chung nhất đối với việc tổ chức trường đại học trên thế giới cho đến tận ngày nay. *Nguyên tắc đầu tiên*, đó là trường đại học có quyền quyết định và trao các học vị theo thang bậc cho sinh viên theo học. Các học vị cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ, hay học hàm giáo sư như chúng ta biết ngày nay là định chế của các đại học châu Âu từ thời Trung cổ. *Nguyên tắc thứ hai*, các trường đại học được tổ chức thành các khoa chuyên môn. Vào thời phong kiến các khoa Thần học, Y học và Luật là ba khoa được xếp vào nhóm các khoa cao cấp, chỉ những người đã tốt nghiệp các chuyên ngành khác mới được tiếp tục theo học tại ba khoa này. Tuy nhiên, giáo dục đại học ở Đức thời Trung cổ cũng như ở những quốc gia châu Âu khác là nền giáo dục mang nặng tính thần quyền và chịu sự chi phối toàn diện của Giáo hội Công giáo La Mã. Chính vì vậy, trong giai đoạn này, có rất ít các tiến bộ về mặt tri thức khoa học cũng như về mặt phương pháp sư phạm tại các trường đại học của Đức [3, tr.45-49].

Từ nửa sau thế kỷ XVIII cho đến đầu thế kỷ XIX, những thay đổi về kinh tế, chính trị và xã hội trên toàn châu Âu đã có tác động mạnh mẽ đến tận gốc rễ hệ thống

giáo dục đại học Đức. Chủ nghĩa tư bản mạnh nba hình thành từ thế kỷ XV, đến giai đoạn này đã giành được vị thế thống trị của mình trên phần lớn lãnh thổ châu Âu và thách thức sự tồn tại của các thể chế phong kiến vẫn đang còn tồn tại. Bất cứ quốc gia hay vùng lãnh thổ nào muốn thoát khỏi số phận bị diệt vong buộc phải tiến hành những cải cách trên nhiều lĩnh vực để mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Trong đó, cải cách giáo dục, và đặc biệt là giáo dục đại học, trở thành một ưu tiên hàng đầu mang tính sống còn [3, tr.17].

Vào thời điểm này, Đức được xem là thành trì kiên cố của chế độ phong kiến bảo thủ, tri trệ ở châu Âu. Tuy nhiên, từ thế kỷ XVII, nước Phổ với tư cách ban đầu là một vương quốc chư hầu trong Đế chế La Mã thần thánh ngày càng trở nên lớn mạnh. Phổ cũng là một lực lượng đi đầu ở châu Âu trong cuộc chiến chống lại nước Pháp. Sau khi Đế chế La Mã thần thánh sụp đổ năm 1806, Phổ trở thành vương quốc mạnh nhất trong số các vương quốc Đức và là một thể lực chính trị-kinh tế mới ở châu Âu. Để duy trì quyền lực của mình, các nhà cai trị của nước Phổ đã tiến hành một loạt cải cách trên nhiều lĩnh vực, trong đó có cải cách giáo dục đại học [1, tr. 451-455].

Người đi đầu trong công cuộc cải cách giáo dục đại học ở nước Phổ lúc bấy giờ chính là nhà bác học, triết gia, nhà giáo dục, Wilhelm von Humboldt. Năm 1810, dưới sự chỉ đạo của ông, Viện Đại học Berlin (nay là Viện Đại học Humboldt Berlin) được thành lập. Viện Đại học Berlin được các nhà giáo dục chính thức xem là mô hình của một trường đại học hiện đại đầu tiên trên thế giới, có ảnh

hưởng sâu sắc đến các trường đại học trên toàn châu Âu và thế giới phương Tây. Đây chính là phòng thí nghiệm giáo dục đầu tiên nơi Humboldt đã đề ra và thử nghiệm những triết lý giáo dục hàn lâm của mình [2, tr.242-244]. Những triết lý này đã trở thành kim chỉ nam cho việc tổ chức xây dựng và vận hành hệ thống giáo dục đại học tại Đức. Việc tổ chức hệ thống các trường đại học theo nguyên tắc của Humboldt bị gián đoạn một thời gian dưới chế độ Quốc xã (1933-1945). Sau Đại chiến Thế giới thứ hai, tại Cộng hòa Liên bang (Tây Đức), các nguyên lý giáo dục đại học của Humboldt tiếp tục được ứng dụng cho đến ngày nay. Tại Cộng hòa Dân chủ Đức (Đông Đức), bên cạnh các triết lý giáo dục do Humboldt đề ra, hệ thống giáo dục đại học tại đây đã phải có những điều chỉnh nhất định để phù hợp với hệ thống giáo dục của các nước Đông Âu trong Khô xã hội chủ nghĩa trước đây. Sau khi nước Đức thống nhất (1989), việc tổ chức hệ thống đại học theo mô hình của Đông Đức bị xóa bỏ hoàn toàn.

*Triết lý giáo dục đại học của Humboldt gồm ba nội dung chính:*

*Thứ nhất*, hoạt động giảng dạy ở trường đại học phải gắn với hoạt động nghiên cứu. Ngày nay, nguyên lý này đã trở nên phổ biến trên toàn thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Đây có thể xem như là nguyên tắc cơ bản nhất trong việc xây dựng hệ thống đại học hiện đại. Tuy nhiên, không phải ai trong chúng ta cũng biết được nguyên tắc giảng dạy đi đôi với nghiên cứu này ra đời ở nước Đức từ thế kỷ XIX, cũng như việc Đức là quốc gia đầu tiên trên thế giới áp dụng thành công

nguyên tắc này cho đến nay. Thực vậy, ngày nay, tại bất kỳ một trường đại học nào trên toàn nước Đức, giảng viên đại học trước tiên đều phải là những người có năng lực và niềm đam mê nghiên cứu không mệt mỏi. Giảng viên đại học cũng bắt buộc phải có những công trình nghiên cứu được công bố và được công nhận bởi cộng đồng khoa học trong lĩnh vực mà người đó theo đuổi. Chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên đại học được xem là tiêu chí hàng đầu trong việc đánh giá chất lượng của một trường đại học tại Đức. Sinh viên theo học tại các trường đại học ở Đức được học về hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực mình theo đuổi cũng như về các phương pháp nghiên cứu trong chuyên ngành của mình ngay từ năm thứ nhất. Trong quá trình học tập ở trường, sinh viên phải có những nghiên cứu nhất định mới có thể được công nhận tốt nghiệp. Nghiên cứu và giảng dạy luôn được lồng ghép với nhau một cách hợp lý trong tất cả các chuyên ngành. Sinh viên chính là người được tiếp xúc sớm nhất với các kết quả nghiên cứu của các giáo sư đại học trực tiếp giảng dạy mình, đồng thời cũng chính là người đầu tiên phản biện những nghiên cứu đó. Qua việc tiếp cận và phản biện các nghiên cứu, sinh viên luôn được tiếp cận và cập nhật những tri thức mới nhất. Bên cạnh đó, các kết quả nghiên cứu khoa học luôn được giảng viên và sinh viên chủ động ứng dụng để giải quyết các vấn đề do thực tiễn đặt ra, từ đó rút ngắn khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn.

*Thứ hai*, đảm bảo quyền tự do của hoạt động nghiên cứu và giảng dạy. Hiện nay, đây là nguyên tắc hiến định tại Cộng hòa

Liên bang Đức. Tại Điều 5, Khoản 3, Câu 1 Luật Cơ bản - đạo luật có giá trị như một bản hiến pháp của nước Đức - quy định rõ: "*Nghệ thuật và Khoa học. Nghiên cứu và Giảng dạy là tự do*" [7]. Điều khoản này được các nhà luật học Đức diễn giải thành ba quyền hiến định cơ bản về học thuật, đó là Quyền Tự do về Nghiên cứu (trong tiếng Đức: *Freiheit der Forschung*), Quyền Tự do về Giảng dạy (trong tiếng Đức: *Lehrfreiheit*) và Quyền Tự do về Học tập (trong tiếng Đức: *Studiumsfreiheit*).

Đối với Quyền Tự do Nghiên cứu, các nhà khoa học được tự do đặt ra các câu hỏi nghiên cứu và đưa ra các phương pháp nghiên cứu, cũng như được quyền tự do đánh giá và công bố các kết quả nghiên cứu, với điều kiện các phương pháp nghiên cứu khoa học không được vi phạm pháp luật cũng như không nên có những yếu tố vi phạm đạo đức và thẩm mỹ xã hội. Về Quyền Tự do Giảng dạy, giảng viên đại học có toàn quyền lựa chọn nội dung và phương pháp giảng dạy cũng như hình thức tổ chức giảng dạy (như thuyết giảng, thảo luận, thực hành,...). Giảng viên cũng được tự do trong việc biểu đạt ý kiến cá nhân về các vấn đề liên quan đến nội dung học thuật do mình phụ trách.

*Cuối cùng*, Quyền Tự do Học tập là một quyền có ý nghĩa rất đặc biệt đối với sinh viên theo học tại các trường đại học ở Đức. Quyền Tự do Học tập cho phép người học có toàn quyền lựa chọn trọng tâm chuyên môn, các môn học, giảng viên trong khuôn khổ chương trình học được các trường đề ra. Bên cạnh đó, người học cũng được toàn quyền quyết định thời gian hoàn thành kỳ thi kết thúc khóa học. Đây chính

là cơ sở để các trường đại học tại Đức xây dựng hệ thống giảng dạy theo tín chỉ rất hiệu quả và đi vào thực chất. Trong quá trình học, Quyền Tự do Học tập đảm bảo người học được tự do biểu đạt ý kiến cá nhân của mình về các vấn đề học thuật, ngay cả trong trường hợp các ý kiến đó không đồng nhất với ý kiến của giảng viên. Đây được xem như là một cơ hội để mỗi sinh viên thực hành và phát triển kỹ năng lập luận của bản thân. Cần lưu ý, Quyền Tự do Giảng dạy và Quyền Tự do Học tập được coi như là một hình thức biểu hiện trên bình diện học thuật của Quyền Tự do Ngôn luận [7]. Để đảm bảo cho nguyên tắc về quyền tự do nghiên cứu và giảng dạy thực sự có thể vận hành được trong thực tiễn, Humboldt đã đề ra nguyên tắc thứ ba về tổ chức hệ thống giáo dục đại học, đó là đảm bảo tuyệt đối quyền tự chủ nội bộ của trường đại học. Quyền tự chủ của đại học ở Đức trước tiên được hiểu là khả năng giữ vững sự độc lập tương đối của các trường đại học với các tổ chức khác, bao gồm cả nhà nước Đức cũng như các đảng phái. Các trường đại học ở Đức phần lớn là những trường công lập. Theo số liệu của Cục Thống kê Liên bang Đức, trong năm học 2017-2018 có tổng cộng 429 trường đại học công lập trên toàn lãnh thổ Đức, trong khi đó con số trường đại học tư thục được nhà nước chính thức công nhận chỉ là 26 trường [9]. Khi đề cập đến thuật ngữ “công lập”, người Việt Nam chúng ta thường liên tưởng đến khái niệm “trường Nhà nước”, đối lập với khái niệm “trường tư”. Trên thực tế, trường công lập ở Đức không phải là trường thuộc sở hữu của nhà nước như nhiều người lầm tưởng. Các trường đại học

công lập ở Đức là những tổ chức tự quản, không chịu sự quản lý của cơ quan chủ quản nhà nước hoặc liên bang. Bộ Giáo dục và Nghiên cứu của Chính phủ Liên bang chỉ là cơ quan giám sát các hoạt động của trường đại học dựa trên Luật Cơ bản, Luật Giáo dục và những đạo luật liên quan khác. Các trường đại học hoàn toàn có quyền tự chủ về tài chính và tự chủ về tổ chức bộ máy. Về mặt tài chính, Nhà nước Đức - cả ở cấp Tiểu bang và Liên bang - có nghĩa vụ cung cấp ngân sách cho các trường đại học công lập hoạt động. Các tiểu bang đóng góp khoảng 75% chi phí cho giáo dục đại học, Nhà nước Liên bang chỉ đóng góp 15%, và chủ yếu là ngân sách cho các dự án nghiên cứu quan trọng [8]. Tuy nhiên, đây là nghĩa vụ một chiều, có nghĩa là nhà nước có nghĩa vụ cung cấp kinh phí, nhưng không có quyền đòi hỏi các trường đại học phải hoạt động theo sự điều hành của mình. Các trường đại học chỉ có nghĩa vụ tuân thủ Luật Cơ bản, Luật Giáo dục và các luật có liên quan do Quốc hội Đức thông qua. Bên cạnh ngân sách, các trường đại học còn nhận được sự hỗ trợ tài chính từ các đơn vị tư nhân như các tổ chức phi chính phủ, các tập đoàn kinh tế,... Khoản hỗ trợ này trên thực tế chiếm khoảng 10% chi phí giáo dục đại học hằng năm tại Đức. Đây có thể hoàn toàn là khoản tài trợ không hoàn lại hoặc là đơn đặt hàng nghiên cứu của doanh nghiệp. Chỉ trong trường hợp ký kết hợp đồng nghiên cứu theo đơn đặt hàng, trường đại học mới phải tuân theo những yêu cầu riêng biệt của doanh nghiệp.

Bên cạnh tự chủ tài chính, các trường đại học ở Đức còn có quyền tự chủ hoàn toàn trong việc tổ chức bộ máy hoạt động.

Quyền tự chủ được thể hiện đầu tiên thông qua việc các trường đại học có quyền chủ động bổ nhiệm học hàm Giáo sư. Phó Giáo sư tùy theo tình hình thực tế của từng trường. Bộ máy lãnh đạo của các trường, từng khoa chuyên môn do Hội đồng Giảng viên của trường và của khoa bầu ra và hoạt động theo nhiệm kỳ. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức kinh tế... không được quyền can thiệp vào quá trình bầu cử này. Bên cạnh Hội đồng Giảng viên, các trường đại học, các khoa chuyên môn đều có Hội đồng Sinh viên. Hội đồng Sinh viên có trách nhiệm bầu ra Ban Lãnh đạo Sinh viên ở trường và ở từng khoa chuyên môn. Ban Lãnh đạo Sinh viên hoạt động độc lập với lãnh đạo khoa và trường. Các ban lãnh đạo vừa đề cập có trách nhiệm hỗ trợ sinh viên điều kiện học tập tốt nhất cũng như đấu tranh cho những quyền lợi chính đáng của người học.

Ngoài ba triết lý cơ bản, là nền tảng cho việc tổ chức, xây dựng và vận hành hệ thống giáo dục đại học đã được Humboldt đề ra từ thế kỷ XIX và vẫn được ứng dụng trên thực tế cho đến nay, hệ thống đại học của Đức còn được xây dựng trên một số nguyên tắc khác. Trước tiên, là nguyên tắc phân chia chức năng hoạt động giữa các trường đại học. Từ những năm 1970, hệ thống giáo dục đại học của Cộng hòa Liên bang Đức đã có một bước phát triển mới với việc thành lập các trường đại học khoa học ứng dụng (tiếng Đức: *Fachhochschulen*). Khác với mô hình Viện Đại học cổ điển (tiếng Đức: *Universität*), các trường đại học khoa học ứng dụng đi sâu hơn vào việc vận dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, giải quyết những

vấn đề do thực tiễn đặt ra. Điều đó không có nghĩa là các trường đại học ứng dụng kém hơn viện đại học truyền thống về chất lượng, mà đây đơn thuần chỉ là một hướng mới trong việc định hướng giáo dục đại học. Các sinh viên theo học các trường đại học ứng dụng tại Đức vẫn phải đảm bảo khả năng nghiên cứu khoa học ở một mức độ nhất định. Người học tại đại học ứng dụng vẫn có khả năng theo học lên các bậc học cao hơn cứ nhân với điều kiện học tập bổ sung một số học phần lý thuyết. Có một thực trạng là nhiều sinh viên Việt Nam học tập tại các trường đại học khoa học ứng dụng ở Đức khi về nước, do công tác dịch thuật và kiểm định chất lượng chưa được chuẩn xác, chỉ được xét là học cao đẳng trong khi bậc học cao đẳng không hề tồn tại trong hệ thống giáo dục ở Cộng hòa Liên bang Đức.

Bên cạnh việc phân chia chức năng giáo dục, hệ thống các trường đại học ở Đức còn nổi tiếng thế giới về chất lượng cao một cách đồng đều. Các nhà khoa học cũng như các chính trị gia Đức không chủ trương tập trung xây dựng những trường đại học đỉnh cao, tức là phát triển theo chiều sâu, mà chủ trương phát triển theo chiều rộng, đảm bảo tất cả các trường đại học trên lãnh thổ Đức đều có chất lượng đào tạo tương đối ngang bằng nhau. Nếu ở Hoa Kỳ, bên cạnh các trường hàng đầu thế giới như Harvard, Yale, Columbia, hay Viện Công nghệ Massachusetts, người ta cũng dễ dàng tìm thấy những cơ sở đại học tư nhân thuần túy chạy theo mục đích thương mại, có chất lượng thấp; ở Đức, từ thủ đô Berlin đến một thành phố nhỏ như Freiburg, đều có những trường đại học

trong đối đồng bộ về chất lượng giảng dạy cũng như cơ sở vật chất. Bên cạnh đó, công tác kiểm định và đảm bảo chất lượng giáo dục tại Đức diễn ra hết sức nghiêm ngặt và độc lập. Vì vậy, các trường đại học kém chất lượng ở Đức không phải là hiện tượng phổ biến.

### 3. KẾT LUẬN

Nhìn vào hệ thống giáo dục đại học nước Đức, có lẽ chúng ta có thể rút ra nhiều bài học cho công cuộc cải cách hệ thống giáo dục bậc đại học ở Việt Nam. Nước ta đang ở vào một thời kỳ có nhiều thách thức cũng như cơ hội phát triển. Lãnh đạo Đảng,

Nhà nước và nhân dân ta đều nhìn nhận vấn đề cải cách giáo dục là một yêu cầu thực tiễn vô cùng cấp thiết. Triết lý giáo dục ở mỗi quốc gia là khác nhau do những ảnh hưởng của các yếu tố đặc thù về chính trị - kinh tế, văn hóa - xã hội. Chúng ta không thể sao chép lại toàn bộ triết lý giáo dục của bất kỳ một quốc gia nào trên thế giới, dù là tiên tiến tới đâu. Với sự tiến bộ và trình độ phát triển bậc cao của nền giáo dục đại học Đức, mô hình Đức hoàn toàn có thể là một mô hình đáng để cho Việt Nam tìm hiểu, nghiên cứu và tham khảo.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thomas Nipperdey (1994), *Deutsche Geschichte 1800-1866: Bürgerwelt und starker Staat*, Verlag C.H. Beck, München.
- [2] Uwe Oster (2011), *Preußen. Geschichte eines Königreichs*, Piper Verlag GmbH, München.
- [3] Walter Rüegg (2004), *Geschichte der Universität in Europa*, Band III, Verlag C.H. Beck, München.
- [4] Wilhelm Treue (1990), *Deutsche Geschichte. Von den Germanen bis zu Napoleon*, Weltbild Verlag, Augsburg.
- [5] *Danh sách người Đức được trao giải Nobel từ năm 1901 đến năm 2018*: <https://de.statista.com/statistik/daten/studie/2015/umfrage/deutsche-nobelpreistraeger-seit-der-gruendung-der-nobelstiftung-im-jahr-1901/>, ngày truy cập 08-04-2019.
- [6] *Danh sách các trường đại học hàng đầu thế giới theo Times Higher Education*, <https://www.timeshighereducation.com/>, ngày truy cập 08-4-2019.
- [7] *Điều 5 Luật Cơ bản Cộng hòa Liên bang Đức*, [https://www.gesetze-im-internet.de/gg/art\\_5.html](https://www.gesetze-im-internet.de/gg/art_5.html), ngày truy cập 08-4-2019.
- [8] *Quy định về ngân sách hoạt động cho hệ thống trường đại học tại Cộng hòa Liên bang Đức*, <https://www.hrk.de/themen/hochschulsystem/hochschulfinanzierung/>, truy cập ngày 09-04-2019.
- [9] *Thống kê về các trường đại học công lập và tư thục trên lãnh thổ Cộng hòa Liên bang Đức*, <https://www.destatis.de/DE/ZahlenFakten.GesellschaftStaat/BildungForschungKultur/Hochschulen/Hochschulen.html>, ngày truy cập 09-04-2019.

Ngày nhận bài: 13-4-2019. Ngày biên tập xong: 20-8-2019. Duyệt đăng: 25-9-2019